

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ TRÀ VINH
TỈNH TRÀ VINH

Bản án số: 01/2025/DS-ST

Ngày 06-01-2025

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TRÀ VINH, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Anh Khoa.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Cao Minh Sơn;
- Ông Đặng Văn Dũng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Anh Duy - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Ông Tăng Phan Nhật Trường - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 295/2024/TLST-DS ngày 09 tháng 10 năm 2024 “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 382/2024/QĐXXST-DS ngày 02 tháng 12 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Trần Hoàng N, sinh năm 1984 (có mặt);

Địa chỉ: Khóm B, Phường A, thị xã D, tỉnh Trà Vinh.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:

- Bà Trần Thị Huỳnh N1, sinh năm 1996 (có mặt);

Địa chỉ: Ấp B, xã N, huyện T, tỉnh Vĩnh Long, theo văn bản ủy quyền ngày 17 tháng 10 năm 2024.

- Bà Trần Thị Ngọc Y, sinh năm 2002 (vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện P, tỉnh Hậu Giang, theo văn bản ủy quyền ngày 17 tháng 10 năm 2024.

2. Bị đơn:

- Ông Phùng Khởi G, sinh năm 1977 (vắng mặt);

- Bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1982 (vắng mặt);

Địa chỉ thường trú: đường B, ấp L, xã L, thành phố T, tỉnh Trà Vinh.

Nơi cư trú hiện tại: đường V, ấp S, xã L, thành phố T, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, ông Trần Hoàng N nguyên đơn trình bày: Ông Trần Hoàng N và vợ chồng ông Phùng Khởi G (tên thường gọi là Phúc G1) và bà Nguyễn Thị P (tên thường gọi là N2) có mối quan hệ quen biết nhau từ trước. Tháng 10 năm 2023, vợ chồng ông G1, bà P có mượn ông N số tiền 730.000.000 đồng để đáo hạn ngân hàng. Vì tin tưởng nên ông N đã cho ông G1, bà P mượn. Việc mượn tiền được lập thành biên nhận ngày 28 tháng 10 năm 2023 do vợ chồng ông G1, bà P tự viết. Vợ chồng ông G1, bà P cam kết trong 03 tháng sẽ trả lại toàn bộ tiền mượn trong khoảng thời gian từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 15 tháng 01 năm 2024.

Tuy nhiên đã 08 tháng kể từ ngày đến hạn, ông G1, bà P vẫn không trả cho ông N số tiền đã mượn. Ông N đã nhiều lần liên hệ để yêu cầu ông G1, bà P trả tiền. Tuy nhiên ông G1, bà P hứa hẹn nhiều lần mà không trả.

Nay ông Trần Hoàng N yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Phùng Khởi G, bà Nguyễn Thị P trả số tiền vay gốc là 730.000.000 đồng và tiền lãi theo lãi suất 1,6%/tháng tính từ ngày 15 tháng 01 năm 2024 cho đến khi giải quyết xong vụ án.

Ông Phùng Khởi G, bà Nguyễn Thị P là bị đơn vắng mặt tại phiên tòa. Trong quá trình giải quyết vụ án, ông Phùng Khởi G, bà Nguyễn Thị P cũng không nộp văn bản trình bày ý kiến cho Tòa án.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân thành phố Trà Vinh đã tiến hòa giải để các đương sự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án. Tuy nhiên việc hòa giải không thành do ông Phùng Khởi G là bị đơn vắng mặt; nguyên đơn có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải. Do đó Tòa án đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa, ông Trần Hoàng N có thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện về mức lãi suất phát sinh. Ông Trần Hoàng N yêu cầu ông Phùng Khởi G, bà Nguyễn Thị P trả tiền lãi theo lãi suất 0,83%/tháng từ ngày 15 tháng 01 năm 2024 cho đến ngày xét xử sơ thẩm. Ông Phùng Khởi G, bà Nguyễn Thị P đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Các đương sự không nộp bổ sung tài liệu, chứng cứ và không đề nghị triệu tập thêm đương sự, người làm chứng, người tham gia tố tụng khác tham gia phiên tòa.

Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Trà Vinh phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật cũng như quan điểm về việc giải quyết vụ án như sau:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định. Bị đơn không chấp hành đúng quy định.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc ông Phùng Khởi G, bà Nguyễn Thị P trả cho ông Trần Hoàng N

số tiền nợ gốc là 730.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất 0,83%/tháng từ ngày 15 tháng 01 năm 2024 cho đến ngày xét xử sơ thẩm.

Về án phí và chi phí tố tụng: Buộc ông Phùng Khởi G, bà Nguyễn Thị P phải chịu toàn bộ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng: Quan hệ pháp luật của vụ án là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”. Bị đơn hiện cư trú tại ấp S, xã L, thành phố T, tỉnh Trà Vinh. Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh. Tại phiên tòa ông Phùng Khởi G, bà Nguyễn Thị P là bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ quy định tại Điều 227; Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về mặt nội dung: Xét thấy việc ông Phùng Khởi G, bà Nguyễn Thị P vay của ông Trần Hoàng N số tiền 730.000.000 đồng là có thật. Thể hiện qua biên nhận ngày 28 tháng 10 năm 2023 có chữ ký, ghi họ tên của ông Phùng Khởi G, bà Nguyễn Thị P. Đối với ông Phùng Khởi G, bà Nguyễn Thị P đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng liên quan đến việc giải quyết vụ án nhưng không nộp cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến và tài liệu, chứng cứ có liên quan. Riêng bà Nguyễn Thị P có mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 04 tháng 11 năm 2024. Tuy nhiên, bà Nguyễn Thị P chỉ có mặt, trình bày ý kiến mà không ký biên bản. Từ đó cho thấy ông Phùng Khởi G, bà Nguyễn Thị P đều biết được các nội dung ông Trần Hoàng N khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết. Việc ông Phùng Khởi G, bà Nguyễn Thị P không nộp văn bản trình bày ý kiến, tài liệu, chứng cứ và không có mặt tại phiên tòa xem như không có ý kiến gì phản đối yêu cầu của ông Trần Hoàng N cũng như từ bỏ quyền tự chứng minh và quyền tranh tụng tại phiên tòa. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015 Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu khởi kiện của ông Trần Hoàng N yêu cầu ông Phùng Khởi G, bà Nguyễn Thị P trả số tiền 730.000.000 đồng là có cơ sở để chấp nhận.

[3] Về tiền lãi: Theo đơn khởi kiện, ông Trần Hoàng N yêu cầu ông Phùng Khởi G, bà Nguyễn Thị P trả lãi theo mức lãi suất 1,6%/tháng từ ngày 15 tháng 01 năm 2024 cho đến khi xét xử sơ thẩm. Theo nội dung biên nhận ngày 28 tháng 10 năm 2023 cũng như lời khai của ông Trần Hoàng N tại phiên tòa thì ông Phùng Khởi G, bà Nguyễn Thị P vay của ông Trần Hoàng N số tiền 730.000.000 đồng. Hai bên không có thỏa thuận về tiền lãi. Thời hạn trả từ ngày 01 tháng 01 năm 2024 đến ngày 15 tháng 01 năm 2024. Căn cứ quy định tại khoản 4 Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015 thì “*Trường hợp vay không có lãi mà khi đến hạn bên vay không trả nợ hoặc trả không đầy đủ thì bên cho vay có quyền yêu cầu trả tiền lãi với mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này trên số tiền*

chậm trả, tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc luật có quy định khác". Tại phiên tòa, ông Trần Hoàng N có thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu tính tiền lãi theo lãi suất 0,83%/tháng từ ngày 15 tháng 01 năm 2024 cho đến ngày xét xử sơ thẩm. Hội đồng xét xử xét thấy việc thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vẫn còn trong phạm vi khởi kiện ban đầu và có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[4] Như vậy, tiền lãi ông Phùng Khởi G, bà Nguyễn Thị P phải trả cho ông Trần Hoàng N là:

$730.000.000 \text{ đồng} \times 0,83\%/\text{tháng} \times 11 \text{ tháng} 22 \text{ ngày} = 70.985.200 \text{ đồng}.$

Tổng cộng nợ gốc và lãi ông Phùng Khởi G, bà Nguyễn Thị P phải trả cho ông Trần Hoàng N là:

$730.000.000 \text{ đồng} + 70.985.200 \text{ đồng} = 800.985.200 \text{ đồng}.$

[5] Về án phí: Ông Phùng Khởi G, bà Nguyễn Thị P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm với số tiền 36.029.556 đồng.

[6] Xét thấy ý kiến của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Trà Vinh là phù hợp với tình tiết khách quan của vụ án và phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên có cơ sở để chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 5; khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; Điều 227; Điều 228; khoản 1 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 357; Điều 466; Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 5; Điều 6; Điều 13 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao Hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Căn cứ vào khoản 4 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Hoàng N. Buộc ông Phùng Khởi G, bà Nguyễn Thị P trả cho ông Trần Hoàng N số tiền 800.985.200 đồng (bao gồm tiền nợ gốc là 730.000.000 đồng, nợ lãi là 70.985.200 đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về án phí: Buộc ông Phùng Khởi G, bà Nguyễn Thị P phải chịu 36.029.556 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho ông Trần Hoàng N số tiền 18.351.600 đồng đã nộp tạm ứng theo biên lai thu tiền số 0000934 ngày 09 tháng 10 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.

Về quyền kháng cáo: Ông Trần Hoàng N có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Phùng Khởi G, bà Nguyễn Thị P có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND Tp Trà Vinh;
- Chi cục THADS Tp Trà Vinh;
- Đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Anh Khoa